

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST.

Ngày: 28 tháng 04 năm 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh

Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/04/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 287/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 30/03/2023 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Đặng Quang T, sinh năm 1969. Cư trú: Thôn SG, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1977. Cư trú: Thôn TC, xã HS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Chu Thị H, sinh năm 1969. Cư trú: Thôn SG, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Ông T có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Quang T trình bày: Vợ ông là bà Chu Thị H. Do có mối quan hệ quen biết xã hội nên bà Dương Thị H đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông tổng số tiền 250.000.000 đồng, các lần vay cụ thể:

+ Ngày 03/12/2021, bà H có vay của ông số tiền 100.000.000 đồng.

+ Ngày 05/01/2022, bà H có vay của ông số tiền 110.000.000 đồng.

+ Ngày 07/01/2022, bà H có vay của ông số tiền 40.000.000 đồng.

Khi vay bà H đều viết và ký giấy vay tiền với ông. Thời hạn vay trong các

giấy vay tiền đều là 01 tháng kể từ ngày vay tiền. Ông và bà H cũng có thỏa thuận về lãi suất nhưng chỉ thỏa thuận miệng và không ghi vào Giấy vay tiền. Khi đến hạn trả nợ, mặc dù đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền cho vợ chồng ông nhưng bà H không trả. Mục đích vay tiền của bà H là gì thì ông không nắm được. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị H phải trả cho ông và bà Hiện số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thời gian tính lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán của lần vay cuối cùng (08/02/2022) đến khi xét xử sơ thẩm (28/4/2023) là 01 năm 02 tháng 20 ngày nhưng ông chỉ yêu cầu trả lãi trong thời gian 01 năm 02 tháng theo mức lãi suất là 10%/năm với tổng số tiền lãi là 29.166.000 đồng.

* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Dương Thị H. Quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị H không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Bà là vợ ông Đặng Quang T. Vợ chồng bà và bà Dương Thị H là người quen. Do bà H có nhu cầu cần vốn để làm ăn nên bà H có vay của vợ chồng bà một số tiền, cụ thể:

- + Ngày 03/12/2021, bà H có vay của ông số tiền 100.000.000 đồng.
- + Ngày 05/01/2022, bà H có vay của ông số tiền 110.000.000 đồng.
- + Ngày 07/01/2022, bà H có vay của ông số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà H vay của vợ chồng bà là 250.000.000 đồng. Khi vay bà H đều viết và ký giấy vay tiền với ông T. Thời hạn vay trong các giấy vay tiền đều là 01 tháng kể từ ngày vay tiền. Mặc dù vợ chồng bà đã đòi nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả nợ. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi thì bà đồng ý. Bà Đồng ý với mọi ý kiến mà ông T trình bày tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Buộc bà Dương Thị H trả cho vợ chồng ông Đặng Quang T và bà Chu Thị Hiện số tiền là 279.166.000 đồng.

Về án phí: Bà H phải bồi án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà Dương Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại lần thứ hai tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị H đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và bà Hiện.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đặng Quang T yêu cầu bà Dương Thị H trả khoản tiền vay cả tiền gốc và tiền lãi là 279.166.000 đồng thì thấy: Các bên có giao kết bằng văn bản, ghi rõ số lượng tiền vay và xác định thời hạn vay nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo quy định tại điều 463 của Bộ luật dân sự). Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông Đặng Quang T yêu cầu bà Dương Thị H trả số tiền gốc 250.000.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của ông T, bà Hiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì xác định có việc bà H vay của vợ chồng ông T bà Hiện làm nhiều lần với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Đã quá hạn trả nợ nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà H không trả nợ cho vợ chồng ông T bà Hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà các bên đã thỏa thuận. Nay ông T yêu cầu bà H trả cho vợ chồng ông số tiền 250.000.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Ông T yêu cầu bà H trả số tiền lãi 29.166.000 đồng thì thấy: Trong giấy biên nhận vay tiền, các bên không thỏa thuận tiền lãi nhưng có thỏa thuận về thời hạn vay, đã hết thời hạn vay nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T yêu cầu bà H trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông T yêu cầu bà H trả tiền lãi, thời gian tính lãi được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán của khoản vay lần cuối là ngày 08/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2023 là 01 năm 02 tháng 20 ngày nhưng ông chỉ yêu cầu trả lãi trong thời gian 01 năm 02 tháng theo mức lãi suất là 10%/năm với tổng số tiền lãi là 29.166.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi buộc bà H phải trả cho vợ chồng ông T bà Hiện là 279.166.000 đồng.

[4]- Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận; hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc bà Dương Thị H phải trả cho ông Đặng Quang Tiến và bà Chu Thị H tổng số tiền là 279.166.000 đồng.

2. Về án phí:

+ Buộc bà Dương Thị H phải chịu 13.958.000 đồng án phí DSST.

+ Hoàn trả ông Đặng Quang T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.400.000 đồng theo biên lai thu số 0012175 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Chuyên